Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn
ISSN 2588-1213
Tập 133, Số 6D, 2024, *Tr. 89–108*; **DOI:** 10.26459/hueunijssh.v133i6D.7428

# CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA THANH NIÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

**Nguyễn Văn Huân, Trần Duy Tuất, Hoàng Thị Thúy Hằng, Hoàng Kim Toản**

Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo, số 20 Lê Lợi, tp Huế, Việt Nam

**Trần Thị Thu Giang, Hoàng Triệu Huy**

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, số 99 Hồ Đắc Di, tp Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: **Hoàng Kim Toản** < hoangkimtoan@hueuni.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 20-02-2024; Ngày chấp nhận đăng: 29-03-2024)

**Tóm tắt.** Nghiên cứu này đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp sáng tạo của thanh niên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Số liệu nghiên cứu được thu thập từ kết quả khảo sát 274 thanh niên thuộc 9 huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của thanh niên theo mức độ giảm dần bao gồm: chương trình đào tạo khởi nghiệp, thái độ đối với khởi nghiệp, kiến thức và kinh nghiệm khởi nghiệp, nhận thức kiểm soát hành vi và cảm nhận về sự may mắn. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra, quy chuẩn chủ quan, không có tác động đến ý định khởi nghiệp của thanh niên.

**Từ khóa:** khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thanh niên, tinh thần doanh nhân

# FACTORS AFFECTING ENTREPRENEURIAL INTENTION OF YOUTH PEOPLES IN THUA THIEN HUE PROVINCE

**Nguyen Van Huan, Tran Duy Tuat, Hoang Thi Thuy Hang, Hoang Kim Toan**

Center for Entrepreneurship and Innovation, No. 20 Le Loi, Hue

**Tran Thi Thu Giang, Hoang Trieu Huy**

College of Economics, Hue University No. 99 Ho Dac Di, Hue

*Correspondence to **Hoang Kim Toan** < hoangkimtoan@hueuni.edu.vn >

(*Received: Februar 20, 2024; Accepted: March 29, 2024*)

**Abstract.** This research investigates the current situation and factors affecting the intention of creative entrepreneurship among young people in Thua Thien Hue province. The qualitative method was used to build the research model and the quantitative method was used to measure the impact of factors on the entrepreneurial intention of young people in Thua Thien Hue province. The research data was collected from the survey results of 274 young people from 9 districts, towns and cities in Thua Thien Hue province. The research results show that there are 3 factors affecting the entrepreneurial intention of young people in decreasing order, including: entrepreneurial training programs, attitude towards entrepreneurship, knowledge and experience, entrepreneurial experience. The research results also show that subjective norms, perceived behavioral control, perceived luck and demographic characteristics do not affect the entrepreneurial intention of young people.

**Keywords:** entrepreneurship, innovation, youth, entrepreneurship

## 1. Đặt vấn đề

Tại ngày hội khởi nghiệp quốc gia của học sinh, sinh viên lần thứ V năm 2023 được tổ chức tại Đại học Huế, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã khẳng định, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo là một động lực, nguồn lực quan trọng trong phát triển của mỗi quốc gia, đặc biệt trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Từ năm 2016, Đảng, Nhà nước và Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển các hoạt động khởi nghiệp. Nhiều chương trình, đề án được phát động, triển khai như "Năm quốc gia khởi nghiệp 2016", "Năm thanh niên sáng tạo khởi nghiệp 2017", Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025" [1], Đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025" [2], Chương trình "Hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022-2030" [3].

Theo báo cáo "Toàn cảnh đổi mới sáng tạo mở Việt Nam" của Bambup năm 2022 cho biết, hệ sinh thái khởi nghiệp Việt Nam đã nhảy từ vị trí thứ 5 lên vị trí thứ 3 trong số 6 nền kinh tế top đầu ASEAN, chỉ sau Indonesia và Singapore.

Theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê cho biết trong năm 2022, cả nước có 208 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 30% so với năm 2021. Bình quân một tháng có 17,4 nghìn doanh nghiệp gia nhập thị trường [28]. Tuy nhiên, báo cáo này

cũng cho hay số doanh nghiệp đóng cửa là 143 nghìn doanh nghiệp, tăng 19,5% và bình quân một tháng có 11,9 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Tỉ lệ khởi nghiệp thành công tại Việt Nam vẫn còn thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Tại Thừa Thiên Huế, hoạt động khởi nghiệp cũng được thúc đẩy mạnh mẽ. Năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1938/QĐ-UBND phê duyệt đề án Cố đô khởi nghiệp, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Hàng năm, trên địa bàn tỉnh liên tục tổ chức nhiều cuộc thi về khởi nghiệp như Ý tưởng Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Đại học Huế, Thanh niên khởi nghiệp, Phụ nữ khởi nghiệp và Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Thừa Thiên Huế.

Cũng theo Đề án Cố đô khởi nghiệp, trong giai đoạn 2011-2018, tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thừa Thiên Huế chủ yếu dựa vào tăng huy động vốn đầu tư và số lượng lao động, các yếu tố như trình độ công nghệ, chất lượng lao động, quy trình quản lý… đóng góp vào tăng trưởng GRDP còn hạn chế.

Theo báo cáo kinh tế xã hội của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, tính đến 14/12/2023, có 658 doanh nghiệp thành lập mới giảm 17,4% so với cùng kỳ; số doanh nghiệp hoạt động trở lại 324 doanh nghiệp, giảm 133 doanh nghiệp; số doanh nghiệp đăng ký tạm ngưng hoạt động là 532 doanh nghiệp. Số lượng và tỉ lệ khởi nghiệp thành công tại Thừa Thiên Huế là rất thấp so với cả nước và thế giới.

Những vấn đề này đã đặt ra sự cần thiết phải có những nghiên cứu về các yếu tố tác động tới ý định khởi nghiệp của thanh niên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và xem xét mức độ tác động của mỗi yếu tố.

## 2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

### *a. Cơ sở lý thuyết*

**Khởi nghiệp**

Là một quá trình bắt đầu từ việc nhận biết cơ hội và bắt đầu phát triển ý tưởng để theo đuổi cơ hội thông qua việc thành lập một doanh nghiệp mới. Đây là một hành động chấp nhận rủi ro để làm chủ, tạo lập tổ chức kinh doanh mới và thuê lao động làm việc cho mình. Trong khuôn khổ nghiên cứu này, định nghĩa được sử dụng: "Khởi nghiệp là việc một cá nhân (một mình hoặc cùng người khác) tận dụng cơ hội kinh doanh mới" [4].

**Khởi nghiệp sáng tạo**

Là một quá trình tạo ra giá trị mới và phân phối giá trị đó đến với thị trường. Quá trình này dựa trên đam mê, trải nghiệm và công nghệ để từ đó tạo ra các mô hình kinh doanh mới với sản phẩm hoặc dịch vụ sáng tạo với khả năng nhân rộng và mở rộng nhằm giải quyết một hoặc nhiều nhu cầu của thị trường [26].

**Ý định khởi nghiệp**

Ý định là trạng thái nhận thức ngay trước khi thực hiện một hành vi [5]. Ý định đại diện cho mức độ cam kết về hành vi sẽ thực hiện trong tương lai [6]. Có rất nhiều định nghĩa khác nhau của các tác giả về ý định khởi nghiệp, tuy nhiên chúng đều thống nhất về mặt nội hàm. Ý định khởi nghiệp là cam kết khởi sự bằng việc tạo lập nên doanh nghiệp mới [6]. Những người có ý định khởi nghiệp là những cá nhân sẵn sàng tiên phong trong việc nắm bắt các cơ hội kinh doanh hấp dẫn mà họ nhận biết được [7]. Hành động khởi nghiệp sẽ diễn ra nếu một cá nhân có thái độ tích cực, có suy nghĩ, ý định về hành động đó. Một ý định mạnh mẽ là tiền đề dẫn tới nỗ lực để bắt đầu khởi sự công việc kinh doanh.

**Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB)**

Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) được phát triển bởi Ajzen vào năm 1991. TPB là một lý thuyết tâm lý xã hội được sử dụng để dự đoán và giải thích hành vi của con người. Lý thuyết này cho rằng hành vi của con người được quyết định bởi ý định thực hiện hành vi đó, và ý định này được ảnh hưởng bởi ba yếu tố chính: thái độ, chuẩn mực chủ quan, kiểm soát hành vi nhận thức [27].

Tóm lại, có thể nhận định rằng ý định khởi nghiệp có khả năng dự báo tương đối chuẩn xác các hành vi khởi nghiệp kinh doanh trong tương lai.

***b. Giả thuyết và mô hình nghiên cứu***

Căn cứ vào tổng quan tình hình nghiên cứu và một số vấn đề lý luận, thực tiễn về ý định khởi nghiệp của thanh niên, tác giả đề xuất mô hình cho đề tài gồm các yếu tố:

*2.2.1. Yếu tố thái độ đối với việc khởi nghiệp*

Thái độ đối với khởi nghiệp là cách nhìn, cách nghĩ của một người về việc khởi sự kinh doanh. Thái độ tích cực và niềm đam mê kinh doanh sẽ tác động thuận chiều với ý định khởi

nghiệp. Thái độ đối với khởi nghiệp được đo lường bằng: thái độ tích cực; đam mê kinh doanh; mức độ sẵn sàng khởi nghiệp khi cơ hội đến; dám chấp nhận rủi ro; có cá tính độc lập [8].

*H1: Thái độ đối với khởi nghiệp có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp sáng tạo của thanh niên.*

*2.2.2. Yếu tố quy chuẩn chủ quan đối với việc khởi nghiệp*

Chuẩn chủ quan là nhận thức về những áp lực từ phía xã hội thể hiện sự ủng hộ, hay phản đối người có ý định thực hiện hành vi. Nó bao gồm các ảnh hưởng bên trong là ý kiến từ gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và các ảnh hưởng bên ngoài là các trào lưu xã hội. Nghiên cứu của Ambad và Damit chỉ ra chuẩn chủ quan có ảnh hưởng trực tiếp và tích cực đến ý định khởi nghiệp của thanh niên [23].

*H2: Quy chuẩn chủ quan có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp của thanh niên.*

*2.2.3. Yếu tố nhận thức kiểm soát hành vi*

*Yếu tố nhận thức kiểm soát hành vi đối với việc khởi nghiệp:* Shane & cộng sự đề xuất các tính cách như "chấp nhận rủi ro", "niềm tin vào năng lực bản thân", "kiểm soát bản thân", "chịu đựng sự mơ hồ", "đam mê", "nỗ lực", "có tầm nhìn" có mối quan hệ với ý định khởi nghiệp của sinh viên [9].

*H3: Nhận thức kiểm soát hành vi có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp của thanh niên.*

*2.2.4. Yếu tố cảm nhận về sự may mắn đối với việc khởi nghiệp*

Cảm nhận sự may mắn là mức độ cá nhân nhận thức về độ dễ dàng hay khó khăn; có bị kiểm soát, hạn chế hay không khi thực hiện hành vi, là mức độ tự tin của một cá nhân về khả năng thực hiện các hành vi [10]. Trong nghiên cứu này là cảm nhận của cá nhân về khả năng khởi nghiệp. Luthje và Franke; Hair và cộng sự đã chỉ ra yếu tố cảm nhận về sự may mắn có ảnh hưởng trực tiếp đến ý định khởi nghiệp của thanh niên [24], [25].

*H4: Cảm nhận sự may mắn có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp của thanh niên.*

*2.2.5. Yếu tố kiến thức và kinh nghiệm đối với việc khởi nghiệp*

Alsos và Kolvereid kết luận rằng người sáng lập nối tiếp có một mức độ cao hơn của sự cam kết với doanh nghiệp hơn người sáng lập mới hoặc song song [11], [12]. Theo nghiên cứu của GEM năm 2020, thanh niên có kiến thức và kinh nghiệm khởi nghiệp cao có tỷ lệ khởi nghiệp cao hơn 2 lần so với thanh niên không có kiến thức và kinh nghiệm [29].

*H5: Sự tác động của kiến thức và kinh nghiệm khởi nghiệp càng lớn thì thanh niên có ý định khởi nghiệp càng cao.*

*2.2.6 Yếu tố chương trình đào tạo đối với việc khởi nghiệp*

Liñán và cộng sự cho rằng vốn tri thức là những tri thức mà thanh niên thu nhận được từ các hoạt động đào tạo của các cấp học với các nội dung chương trình đào tạo gắn với hoạt động khởi nghiệp của thanh niên [13]. Yếu tố này được đo lường bằng: phân tích chiến lược kinh doanh (Marketing trong doanh nghiệp; kỹ năng khởi nghiệp; kiến thức khởi nghiệp; lập kế hoạch và phân tích kế hoạch; luyện tập các kỹ năng kinh doanh phức tạp). Lập kế hoạch và phân tích kế hoạch; luyện tập các kỹ năng kinh doanh phức tạp.

*H6: Chương trình đào tạo khởi nghiệp có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp của thanh niên.*

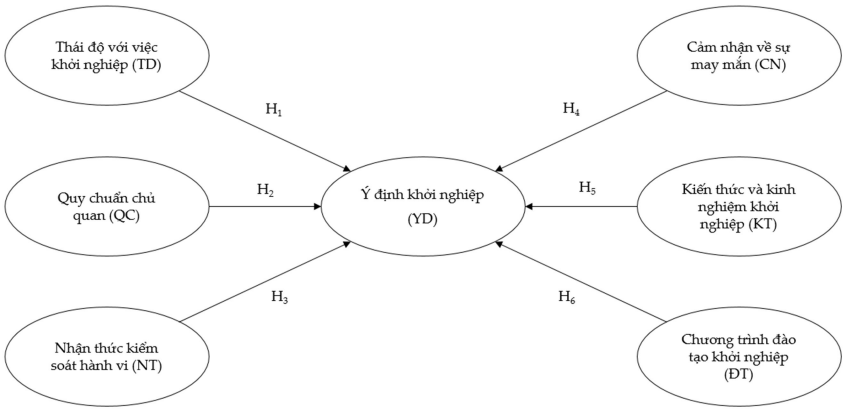


**Hình 1.** Sơ đồ mô hình nghiên cứu đề xuất

*(Nguồn: Tác giả)*

***c. Phương pháp nghiên cứu***

***Phương pháp chọn mẫu và kích thước mẫu***

Theo Kline, một số kích thước mẫu chính xác trong các phương pháp ước lượng có thể là nhỏ (N < 100), vừa (N từ 100 đến 200) và lớn (N > 200) [15]. Kích thước mẫu nhỏ nhất được đề xuất để đảm bảo những giải pháp ổn định là 100 đến 150 và với mẫu từ 200 trở lên có thể được đề xuất cho việc cung cấp một nền tảng vững chắc để ước lượng [16]. Nghiên cứu này sử dụng số mẫu là 274, hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu và giá trị của nghiên cứu.

Khung lấy mẫu: Hiện nay, tỉnh Thừa Thiên Huế có 09 đơn vị hành chính cấp huyện với 9 tổ chức Đoàn TNCS HCM tương ứng. Tác giả đã phối hợp với Tỉnh đoàn để thực hiện khảo sát cho đề tài với thanh niên của 9/9 đơn vị tham gia. Thanh niên được khảo sát thuộc nhóm các đoàn viên đang sinh hoạt do Tỉnh đoàn Thừa Thiên Huế quản lý. Tổng số 351 phiếu khảo sát được thu về qua hình thức trực tuyến, có 274 phiếu hợp lệ được tiến hành hiệu chỉnh trước khi đưa vào xử lý và phân tích dữ liệu. Tác giả đã tiến hành kiểm soát mẫu xuyên suốt quá trình điều tra để đảm bảo tính đại diện của mẫu. Phương pháp chọn mẫu đưa ra là phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên cụm.

Kết quả thống kê mô tả điều tra tại các địa phương chi tiết tại bảng 1.

**Bảng 1. Tỷ lệ thanh niên theo độ tuổi và địa phương**

| STT | Địa phương | Số lượng (người) | Tỉ lệ (%) | Độ tuổi | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | 18-22 | 22-26 | 26-30 | Trên 30 |
| 1 | Thành phố Huế | 29 | 11 | 0 | 8 | 12 | 9 |
| 2 | Thị xã Hương Thủy | 32 | 12 | 19 | 4 | 3 | 6 |
| 3 | Thị xã Hương Trà | 27 | 10 | 2 | 2 | 4 | 19 |
| 4 | Huyện A Lưới | 37 | 14 | 7 | 7 | 18 | 5 |
| 5 | Huyện Nam Đông | 22 | 8 | 0 | 4 | 9 | 9 |
| 6 | Huyện Phong Điền | 22 | 8 | 0 | 3 | 5 | 14 |
| 7 | Huyện Phú Lộc | 53 | 19 | 3 | 9 | 8 | 33 |
| 8 | Huyện Phú Vang | 36 | 13 | 36 | 0 | 0 | 0 |
| 9 | Huyện Quảng Điền | 16 | 6 | 3 | 2 | 5 | 6 |
| | Tổng cộng | 274 | 100 | 70 | 39 | 64 | 101 |

*(Nguồn: Phân tích tổng hợp của tác giả, 2024)*

***Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu***

Sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi nhằm thu thập thông tin để phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động khởi nghiệp sáng tạo và ý định khởi nghiệp sáng tạo của thanh niên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nghiên cứu định lượng với phương pháp thống kê mô tả để đưa ra đặc điểm của tổng thể nghiên cứu, kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha, kỹ thuật phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích tương quan hệ số Pearson, phân tích hồi quy đa biến để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp sáng tạo của thanh niên Thừa Thiên Huế.

## 3. Kết quả và thảo luận

### *a. Kết quả thống kê mô tả*

Về đặc điểm giới tính, số lượng mẫu thu được có 145 nam, chiếm 52,9 % và 129 nữ, chiếm 47,1 %. Qua đó, nhận thấy tỷ lệ thanh niên nam tham gia khảo sát lớn hơn thanh niên nữ nhưng không chênh lệch nhiều.

Về đặc điểm độ tuổi, kết quả phân tích cho thấy tỷ lệ thanh niên từ 18-22 tuổi chiếm tỉ trọng 25,5 % trong số mẫu được khảo sát. Độ tuổi 22-26 tuổi chiếm tỉ trọng 14,2 %. Độ tuổi từ 26-30 tuổi chiếm tỉ trọng 23,4 % và độ tuổi trên 30 tuổi 36,9 %, chiếm tỉ trọng lớn nhất.

Tỷ lệ thanh niên đã từng có ý định khởi nghiệp là 212 người trên tổng khảo sát 274 người, chiếm 77,4 %, cao hơn tỷ lệ thanh niên chưa từng có ý định khởi nghiệp. Các địa phương có số lượng thanh niên đã từng có ý định khởi nghiệp cao nhất thuộc các địa phương huyện Phong Điền, huyện A Lưới và thị xã Hương Thủy.

Trong một nghiên cứu trước đây về ý định khởi nghiệp của sinh viên Đại học Huế với số lượng mẫu là 721 người, tỷ lệ sinh viên đã từng có ý định khởi nghiệp là 54,4 %. Như vậy, đối với thanh niên, tỉ lệ có ý định khởi nghiệp là cao hơn hẳn.

### *b. Kiểm định độ tin cậy của thang đo*

**Bảng 2.** Kiểm định độ tin cậy thang đo

| *Thang đo* | *Tương quan biến tổng* | *Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến* | *Giá trị trung bình* | *Nguồn tham khảo* |
|---|---|---|---|---|
| ***1. Thái độ với việc khởi nghiệp (TD): Cronbach's Alpha = 0,767*** | | | | |
| *Khởi nghiệp sáng tạo có lợi hơn là bất lợi với bản thân.* | 0,466 | 0,749 | 4,08 | Mirianda, F. J., Chanmorro - Mera, A., Rubio, S. (2017) [17]. |
| *Khởi nghiệp sáng tạo hấp dẫn đối với bản thân bạn.* | 0,614 | 0,705 | 4,08 | |
| *Trong các lựa chọn thì bạn muốn trở thành một doanh nhân.* | 0,586 | 0,706 | 3,66 | |
| *Trở thành một doanh nhân tạo ra sự thỏa mãn cho bản thân bạn.* | 0,545 | 0,724 | 3,54 | |
| *Nếu có cơ hội và nguồn lực bạn sẽ khởi nghiệp.* | 0,505 | 0,735 | 4,19 | |
| ***2. Quy chuẩn chủ quan (QC): Cronbach's Alpha = 0,827*** | | | | |
| *Nếu bạn khởi nghiệp, gia đình và người thân sẽ ủng hộ quyết định của bạn.* | 0,607 | 0,471 | 4,05 | Zhang, Y., & Yang, J. (2006) [18]. |
| *Nếu bạn khởi nghiệp, bạn bè sẽ ủng hộ.* | 0,585 | 0,482 | 3,97 | |
| *Nếu bạn khởi nghiệp, giáo viên sẽ ủng hộ bạn.* | 0,522 | 0,519 | 3,89 | |
| ***3. Nhận thức kiểm soát hành vi (NT): Cronbach's Alpha = 0,754*** | | | | |
| *Khởi nghiệp kinh doanh riêng nằm trong tầm kiểm soát của bạn.* | 0,502 | 0,723 | 3,77 | Chau & Huynh (2020) [19]. |
| *Khởi nghiệp kinh doanh riêng là hành vi dễ dàng.* | 0,540 | 0,715 | 2,94 | |
| *Bạn có nguồn lực, thời gian và cơ hội để khởi nghiệp.* | 0,626 | 0,653 | 3,36 | |
| *Bạn cảm thấy tự tin khi bạn khởi nghiệp.* | 0,563 | 0,693 | 3,64 | |
| ***4. Cảm nhận về sự may mắn (CN): Cronbach's Alpha = 0,769*** | | | | |
| *Bạn nghĩ mình sẽ may mắn khi khởi nghiệp.* | 0,605 | 0,686 | 3,32 | Ajzen, I. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Khi khó khăn bạn sẽ luôn có sự hỗ trợ.* | 0,604 | 0,688 | 3,33 | (1991) [10]. |
| *Nếu khởi nghiệp bạn sẽ thành công.* | 0,599 | 0,693 | 3,27 | |
| ***5. Kiến thức và kinh nghiệm khởi nghiệp (KT): Cronbach's Alpha = 0,905*** | | | | |
| *Bạn có kiến thức về khởi nghiệp sáng tạo.* | 0,711 | 0,903 | 3,43 | Fayolle, A., & Gailly, B. (2015) [20]. |
| *Bạn có kiến thức về vận hành doanh nghiệp.* | 0,826 | 0,863 | 3,15 | |
| *Bạn có kinh nghiệm làm quản lý.* | 0,785 | 0,878 | 3,25 | |
| *Bạn có kinh nghiệm vận hành dự án khởi nghiệp.* | 0,825 | 0,863 | 3,10 | |
| ***6. Chương trình đào tạo khởi nghiệp (DT): Cronbach's Alpha = 0,795*** | | | | |
| *Giáo dục trong các cấp học khuyến khích bạn phát triển những ý tưởng sáng tạo để khởi nghiệp.* | 0,629 | 0,732 | 3,81 | Chau & Huynh, 2020 [19]; Ngo & Cao, 2016 [21]. |
| *Giáo dục trong các cấp học cung cấp những kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng để bạn khởi nghiệp.* | 0,670 | 0,712 | 3,84 | |
| *Bạn thường xuyên tham gia các hoạt động về khởi nghiệp do trường và các đơn vị tổ chức.* | 0,521 | 0,788 | 3,63 | |
| *Sau khi bạn tham gia các chương trình về khởi nghiệp, bạn mong muốn trở thành doanh nhân.* | 0,610 | 0,741 | 3,66 | |
| ***7. Ý định khởi nghiệp (YD): Cronbach's Alpha = 0,843*** | | | | |
| *Bạn đã sẵn sàng để khởi nghiệp.* | 0,722 | 0,768 | 3,58 | Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J. & Anderson, R.E. (2013) [22]. |
| *Bạn sẽ cố gắng hết sức để bắt đầu khởi nghiệp.* | 0,704 | 0,790 | 3,81 | |
| *Mục tiêu nghề nghiệp của bạn là trở thành một doanh nhân.* | 0,706 | 0,785 | 3,58 | |

*(Nguồn: Phân tích tổng hợp của tác giả, 2024)*

***c. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)***

***Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) bằng phương pháp xoay (Promax)***

*- Đối với các biến độc lập:* kết quả cho thấy 25 biến quan sát ban đầu được nhóm thành 7 nhóm. Giá trị tổng phương sai trích = 68,499 % > 50 % là đạt yêu cầu, khi đó có thể nói rằng 7 nhân tố này giải thích 68,499 % biến thiên của dữ liệu. Giá trị hệ số Eigenvalues của các nhân tố đều cao (>1), nhân tố thứ 7 có Eigenvalues thấp nhất là 1,021 > 1.

*- Đối với biến phụ thuộc:* Kết quả phân tích EFA của nhân tố với thang đo chọn trường của học sinh cho thấy thang đo này đạt giá trị. Cụ thể, 3 biến quan sát của thang đo tạo thành một nhân tố duy nhất tại điểm dừng Eigenvalue là 2,288 > 1, có tổng phương sai trích = 76,282 % (> 50 %) cho thấy thang đo giải thích được 76,282 % dữ liệu, hệ số tải nhân tố của các biến đều lớn hơn 0,5, hệ số KMO = 0,729 > 0,5 nên phân tích EFA phù hợp với dữ liệu, thống kê Chi-Square của kiểm định Bartlett đạt giá trị 336,478 với mức ý nghĩa Sig = 0,000 < 0,05 cho thấy các biến quan sát tương quan với nhau. Do vậy thang đo được chấp nhận.

***d. Phân tích tương quan hệ số Pearson***

**Bảng 3. Bảng ma trận tương quan theo hệ số Pearson**

| | Tương quan Pearson | YD | KT | TD | DT | QC | CN | NT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| YD | Hệ số tương quan | 1 | | | | | | |
| | Giá trị p | | | | | | | |
| KT | Hệ số tương quan | .525** | 1 | | | | | |
| | Giá trị p | 0,000 | | | | | | |
| TD | Hệ số tương quan | .463** | .311** | 1 | | | | |
| | Giá trị p | 0,000 | 0,000 | | | | | |
| DT | Hệ số tương quan | .597** | .493** | .405** | 1 | | | |
| | Giá trị p | 0,000 | 0,000 | 0,000 | | | | |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| QC | Hệ số tương quan | .332** | .293** | .432** | .420** | 1 | | |
| | Giá trị p | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | | | |
| CN | Hệ số tương quan | .441** | .481** | .326** | .400** | .419** | 1 | |
| | Giá trị p | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | | |
| NT | Hệ số tương quan | .443** | .474** | .342** | .390** | .412** | .491** | 1 |
| | Giá trị p | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | |

*(Nguồn: Phân tích tổng hợp của tác giả, 2024)*

Từ Bảng 3 cho thấy, biến Ý định khởi nghiệp (YD) và tất cả các biến độc lập bao gồm đều có giá trị p < 0,05 nên hệ số tương quan r có ý nghĩa thống kê nghĩa là có sự tương quan giữa các biến độc lập này với biến phụ thuộc ở mức tin cậy 99 %.

Dựa vào hệ số tương quan r có thể kết luận: biến Thái độ với việc khởi nghiệp (TD), Quy chuẩn chủ quan (QC), Cảm nhận về sự may mắn (CN) và Nhận thức kiểm soát hành vi (NT) có mối tương quan trung bình với biến Ý định khởi nghiệp (YD) do có r nằm trong khoảng $0,3 \leq |r| < 0,5$; biến Kiến thức và kinh nghiệm khởi nghiệp (KT) và biến Chương trình đào tạo khởi nghiệp (DT) có mối tương quan mạnh với biến Ý định khởi nghiệp (YD) do có r nằm trong khoảng $0,5 \leq |r| < 0,7$ (Bảng 3).

***e. Phân tích hồi quy đa biến***

**Bảng 4. Kết quả phân tích hồi quy đa biến**

| Mô hình | | Hệ số chưa chuẩn hóa | | Hệ số chuẩn hóa Beta | Thống kê T | Sig. | Thống kê đa cộng tuyến | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | B | Độ lệch chuẩn | | | | Độ chấp nhận của biến (Tolerance) | Hệ số phóng đại phương sai (VIF) |
| 1 | Hằng số | 0,093 | 0,259 | | 0,360 | 0,719 | | |
| | KT | 0,180 | 0,050 | 0,200 | 3,585 | 0,000 | 0,618 | 1,618 |
| | TD | 0,261 | 0,063 | 0,210 | 4,112 | 0,000 | 0,732 | 1,365 |
| | DT | 0,401 | 0,063 | 0,351 | 6,399 | 0,000 | 0,637 | 1,571 |
| | QC | -0,061 | 0,061 | -0,053 | -0,996 | 0,320 | 0,670 | 1,492 |
| | CN | 0,102 | 0,055 | 0,103 | 1,877 | 0,062 | 0,630 | 1,587 |
| | NT | 0,110 | 0,055 | 0,110 | 2,006 | 0,046 | 0,637 | 1,570 |

*(Nguồn: Phân tích tổng hợp của tác giả, 2024)*

Từ các phân tích trên cho thấy, có 5 trong 6 yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên và có ý nghĩa trong mô hình do Sig. của biến QC = 0,320 > 0,05. Các biến còn lại đều có Sig < 0,05 do đó có quan hệ hồi quy với biến YD.

Hệ số phóng đại phương sai (VIF) của từng nhân tố có giá trị nhỏ hơn 2 chứng tỏ mô hình hồi quy không vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến (các biến độc lập có tương quan chặt chẽ với nhau).

Biểu đồ tần số của phần dư chuẩn hóa cho thấy phân phối của phần dư có giá trị trung bình = 2.02E-15 ≈ 0 và độ lệch chuẩn = 0,987 ≈ 1. Mặt khác, biểu đồ P-Plot cho thấy các chấm điểm phân tán sát với đường chéo, phân phối chuẩn có phần dư có thể xem như chuẩn. Do đó, có thể kết luận rằng: giả thiết phân phối chuẩn của phần dư không bị vi phạm.

Phương trình hồi quy bội cho thấy yếu tố tác động mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp của thanh niên là Chương trình đào tạo khởi nghiệp (DT) có hệ số $\beta 1 = 0,351$ cao nhất và Sig. = 0,000 (có ý nghĩa thống kê).

Yếu tố tác động mạnh thứ hai là Thái độ đối với khởi nghiệp (TD) có hệ số β2 = 0,210 và Sig. = 0,000. Yếu tố tác động mạnh thứ ba là Kiến thức và kinh nghiệm khởi nghiệp (KT) có hệ số β3 = 0,200 và Sig. = 0,000, hệ số này cũng gần xấp xỉ với yếu tố Thái độ đối với khởi nghiệp. Kiến thức, kinh nghiệm cũng là một tiêu chí quan trọng ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của một cá nhân.

Hai yếu tố tiếp còn lại có tác động đó là Nhận thức kiểm soát hành vi (NT) β4 = 0,110 và Cảm nhận về sự may mắn (CN) β5 = 0,103.

## 4. Kết luận và đề xuất

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 trong 6 yếu tố đưa ra tác động trực tiếp đến ý định khởi nghiệp của thanh niên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm: Chương trình đào tạo khởi nghiệp tác động mạnh nhất, tiếp đến là Thái độ đối với khởi nghiệp, tiếp theo là Kiến thức, kinh nghiệm khởi nghiệp và cuối cùng là Nhận thức kiểm soát hành vi và Cảm nhận về sự may mắn.

So với nghiên cứu trước đây của tác giả về các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp trên nhóm đối tượng là sinh viên Đại học Huế với số lượng mẫu gồm 721 sinh viên, sự tương đồng xảy ra ở 3 yếu tố tác động mạnh nhất bao gồm Chương trình đào tạo khởi nghiệp, Thái độ đối với việc khởi nghiệp và Kiến thức, kinh nghiệm khởi nghiệp. Về điểm khác biệt, nhóm sinh viên chịu tác động thêm nhân tố Quy chuẩn chủ quan bởi kỳ vọng của gia đình, bạn bè và thầy cô về việc khởi nghiệp. Trong khi đó, nhóm thanh niên chịu tác động của Nhận thức kiểm soát hành vi và Cảm nhận về sự may mắn do nhóm này có ý thức cao hơn về khả năng kiểm soát thành công hay thất bại của việc khởi nghiệp và niềm tin vào sự may mắn cũng ảnh hưởng đến nhóm này.

Dựa vào kết quả nghiên cứu, để nâng cao ý định khởi nghiệp của thanh niên, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

***Đối với chương trình đào tạo khởi nghiệp***

UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, phối hợp với Tỉnh Đoàn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Đại học Huế và các tổ chức giáo dục trên địa bàn:

- Đa dạng hóa các chương trình đào tạo, cung cấp nhiều chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu và trình độ của thanh niên, bao gồm các khóa đào tạo ngắn hạn và các chương trình chuyên sâu. Khuyến khích học tập thông qua trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp khởi nghiệp, vườn ươm...

- Cải tiến nội dung đào tạo, cập nhật chương trình đào tạo sát với thực tế thị trường, nhu cầu doanh nghiệp và xu hướng khởi nghiệp mới. Tăng cường tính ứng dụng thông qua các bài tập thực tế, mô phỏng kinh doanh và case study. Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, chú trọng kỹ năng mềm như tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, thuyết trình, đàm phán.

- Nâng cao chất lượng giảng viên giảng dạy về khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tuyển chọn các giảng viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực khởi nghiệp, kinh doanh; phát triển đội ngũ giảng viên doanh nhân bằng cách mời các chuyên gia, nhà đầu tư, doanh nhân thành đạt tham gia giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm.

- Đưa nội dung khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vào các bậc học dưới đại học.

***Đối với thái độ khởi nghiệp***

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về khởi nghiệp bằng cách tổ chức các hội thảo, diễn đàn, tọa đàm về khởi nghiệp với sự tham gia của các nhà đầu tư, doanh nhân thành đạt; lồng ghép nội dung giáo dục về khởi nghiệp và chương trình giảng dạy trong các bậc học; sử dụng hiệu quả các kênh truyền thông đại chúng, mạng xã hội để lan tỏa thông điệp tích cực về khởi nghiệp.

- Tạo môi trường khởi nghiệp năng động, mở bằng các giải pháp: hỗ trợ thành lập câu lạc bộ, cộng đồng khởi nghiệp để thanh niên giao lưu, học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm; khuyến khích các doanh nghiệp hỗ trợ, đồng hành cùng thanh niên khởi nghiệp.

- Thay đổi nhận thức về khởi nghiệp bằng các giải pháp: xóa bỏ định kiến về thất bại trong khởi nghiệp, thay vào đó là khích lệ tinh thần học hỏi, rèn luyện và thử nghiệm; nhấn mạnh tầm quan trọng của khởi nghiệp trong phát triển kinh tế, tạo việc làm và khẳng định bản thân; chia sẻ những câu chuyện thành công của các doanh nghiệp khởi nghiệp để tạo động lực cho thanh niên.

***Đối với kiến thức và kinh nghiệm khởi nghiệp***

- Cung cấp thông tin, tài liệu về khởi nghiệp bằng các giải pháp: phát triển cổng thông tin điện tử về khởi nghiệp cung cấp đầy đủ thông tin về các chương trình hỗ trợ, chính sách ưu

đãi, hướng dẫn khởi nghiệp...; phát hành các ấn phẩm, tài liệu hướng dẫn khởi nghiệp phù hợp với nhu cầu của thanh niên; tổ chức các hội chợ, triển lãm về khởi nghiệp để giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp khởi nghiệp.

- Hỗ trợ kết nối thanh niên với các chuyên gia, nhà đầu tư: tổ chức các buổi gặp gỡ, giao lưu giữa thanh niên với các chuyên gia, nhà đầu tư; cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ khởi nghiệp cho thanh niên; kết nối thanh niên với các vườn ươm, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp để được hỗ trợ về cơ sở vật chất, kinh nghiệm và nguồn vốn.

- Tạo cơ hội học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm cho thanh niên bằng các giải pháp: tổ chức các khóa học, hội thảo chuyên đề về kỹ năng khởi nghiệp, quản trị doanh nghiệp...; khuyến khích thanh niên tham gia các chương trình giao lưu, học hỏi kinh nghiệm khởi nghiệp quốc tế; tiếp tục tổ chức các cuộc thi về khởi nghiệp các cấp hàng năm.

***Đối với nhận thức kiểm soát hành vi***

- Tăng cường đào tạo kỹ năng bằng cách cung cấp các khóa học về quản lý, kinh doanh, kỹ năng khởi nghiệp... giúp thanh niên tự tin vào khả năng thực hiện và kiểm soát dự án khởi nghiệp; tổ chức các hội thảo, workshop chia sẻ kinh nghiệm từ những người khởi nghiệp thành công.

- Hỗ trợ tư vấn và mentoring: kết nối thanh niên với các chuyên gia, mentor giàu kinh nghiệm để được cố vấn, hướng dẫn trong quá trình khởi nghiệp; cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lý, giải đáp thắc mắc, giúp thanh niên giải quyết các vấn đề gặp phải trong quá trình khởi nghiệp.

- Tạo dựng môi trường khởi nghiệp thuận lợi: phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp hỗ trợ kết nối nguồn lực, thông tin, thị trường...; đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho thanh niên khởi nghiệp.

***Đối với cảm nhận về sự may mắn***

- Thay đổi tư duy về sự may mắn bằng cách: giúp thanh niên nhận thức rằng may mắn là yếu tố có thể tạo ra nhưng cần kết hợp với nỗ lực và sự chuẩn bị kỹ lưỡng; tổ chức các buổi talkshow, hội thảo với chủ đề "May mắn trong khởi nghiệp" để chia sẻ những câu chuyện thành công từ góc độ may mắn.

- Khuyến khích chia sẻ kinh nghiệm: tạo dựng diễn đàn, cộng đồng để thanh niên chia sẻ những câu chuyện khởi nghiệp, bao gồm cả những thất bại và may mắn gặp phải; khuyến khích thanh niên học hỏi từ những người khởi nghiệp thành công, từ đó rút ra bài học cho bản thân.

- Tổ chức các hoạt động thúc đẩy tinh thần lạc quan: tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp, hội chợ khởi nghiệp... để thanh niên có cơ hội thể hiện ý tưởng và học hỏi kinh nghiệm; khen thưởng, động viên những thanh niên khởi nghiệp thành công, tạo hình ảnh điển hình để khích lệ tinh thần khởi nghiệp.

Nâng cao ý định khởi nghiệp cho thanh niên là một quá trình cần sự phối hợp đồng bộ của các bên liên quan. Việc triển khai hiệu quả các giải pháp trên sẽ góp phần tạo môi trường khởi nghiệp thuận lợi, khơi dậy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ dám làm của thanh niên, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO


1. Thủ tướng Chính phủ (2016). Quyết định số 844/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025".
2. Thủ tướng Chính phủ (2017). Quyết định số 1665/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025".
3. Thủ tướng Chính phủ (2022). Quyết định số 897/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình "Hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp" giai đoạn 2022-2030.
4. Trương Thị Thanh Tuyền, Nguyễn Thành Long (2013). "Những tính cách liên quan đến ý hướng khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học An Giang". *Tạp chí Khoa học*, Số 01 (2013): 65–75 Trường Đại học An Giang.
5. Krueger, N. F. (2003). *"The cognitive psychology of entrepreneurship, in: Handbook of entrepreneurship research, an interdisciplinary survey and introduction"*. Springer, pp. 105–140.
6. Krueger, N. F., Brazeal, D. (1994). "Entrepreneurial potential and potential entrepreneurs". *Entrepreneurship Theory and Practice*, 18, pp. 91–104.

7. Taatila, V., & Down, S. (2012). "Measuring entrepreneurial orientation of university students". *Education + Training*, 54(8), 744–760. doi:10.1108/00400911211274864.

8. Nguyễn Thu Thuỷ (2014). *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tiềm năng khởi sự kinh doanh của sinh viên đại học*. Luận án Tiến sĩ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

9. Shapero, A. & Sokol, L. (1982), *The social dimensions of entrepreneurship, Englewood Cliffs: Pearson Prentice – Hall*, Upper Shaddle River, New Jersey.

10. Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational behavior and human decision processes*, 50(2), 179–211.

11. Alsos, G.A., Carter, S., Ljunggren, E. and Welter, F. (2011). *Developing synergies between entrepreneurship and agriculture*. Handbook on Entrepreneurship in Agriculture and Rural Development, Edward Elgar, Cheltenham and Northampton, MA, 6–7.

12. Kolvereid, L., & Moen, Ø. (1997). "Entrepreneurship among business graduates: does major in entrepreneurship make a difference?". *Journal of European industrial training*, 21(4), 154–160

13. Liñán, F., & Chen, Y. W. (2006). *Testing the entrepreneurial intention model on a twocountry sample*. Departament d'Economia de l'Empresa, Universitat Autònoma de Barcelona Document de Treball núm. 06/7(Juliol / July, 2006). Miranda, F. J., Chamorro-Mera, A., & Rubio, S. (2017). *Academic entrepreneurship in Spanish universities: An analysis of the determinants of entrepreneurial intention*. European Research on Management and Business Economics.

14. Trọng, H., & Ngọc, C. N. M. (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Nxb Hồng Đức, TP.HCM.

15. Kline, Theresa (2005). *Psychological testing: A practical approach to design and evaluation*. Sage.

16. Hair JF, Black B, Babin B, Anderson RE, Tatham RL (2006). *Multivariate data analysis*. Pearson Prentice Hall. Englewood Cliffs.

17. Nabi, Ghulam, and Rick Holden (2008). "Graduate entrepreneurship: intentions, education and training". *Education+ Training*.

18. Zhang, Y., & Yang, J. (2006). "New venture creation: Evidence from an investigation into Chinese entrepreneurship". *Journal of Small Business and Enterprise Development*, 13(2), 161–173.

19. Chau, T. T. N., & Huynh, T. L. T. (2020). "Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học An Giang [Factors affecting the intention to start a business of An Giang University students]". *Tạp chí Công Thương*, 17.

20. Fayolle, A., & Gailly, B. (2015). "The impact of entrepreneurship education on entrepreneurial attitudes and intention: Hysteresis and persistence". *Journal of Small Business Management*, 53(1), 75–93.

21. Samantha Kumara, P. A. P. (2012). "Undergraduates' Intention Towards Entrepreneurship: Empirical Evidence from Sri Lanka". *Journal of Enterprising Culture*, 20(01), 105–118.

22. Koe, W. L. (2016). "The relationship between Individual Entrepreneurial Orientation (IEO) and entrepreneurial intention". *Journal of Global Entrepreneurship Research*, 6(1), 13. 12. Kline, Theresa (2005). *Psychological testing: A practical approach to design and evaluation*. Sage.

23. Ambad, S. N. A., Damit, D. H. D. A., (2016). Determinants of entrepreneurial intention among undergraduate students in Malaysia. *Procedia Economics and Finance*, 37, 108–114.

24. Hair, J.F, Black B, Babin B, Anderson RE, Tatham RL (2006). *Multivariate data analysis*. Pearson Prentice Hall. Englewood Cliffs.

25. Lüthje, C., & Franke, N. (2003). The 'making of an entrepreneur: testing a model of entrepreneurial intent among engineering students at MIT. *R&d Management*, 33(2), 135–147.

26. Minh, N. Đ. T. (2017). *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tư duy và công cụ*. Nxb Phụ nữ, Hà Nội.

27. Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational behavior and human decision processes*, 50 (2), 179–211.

28. Tổng cục thống kê (2023). Tình hình doanh nghiệp những năm gần đây và giải pháp phát triển trong giai đoạn tới. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2023/10/tinh-hinh-doanh-nghiep-nhung-nam-gan-day-va-giai-phap-phat-trien-

trong-giai-doan-toi/. Truy cập ngày 07.12.202329. GEM 2020/2021 GLOBAL REPORT. https://www.gemconsortium.org/report/gem-20202021-global-report.